TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 245/2023/DS-PT Ngày 08 - 8 - 2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2023/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Hoàng N, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: số 96/27, đường Lý Thường Kiệt, khóm 5, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Ngô Ánh H, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Đường Nguyễn Thiện Năng, khóm 2, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Toàn T2, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: số 140, đường Đinh Tiên Hoàng, khóm 2, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 14 và ngày 31 tháng 3 năm 2023) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Hoàng N là nguyên đơn; ông Nguyễn Quốc T1, bà Ngô Ánh H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lê Hoàng N trình bày: Vào khoảng tháng 5/2020 đến năm 2021, vợ chồng ông Nguyễn Quốc T1 có vay tiền của bà nhiều lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận. Do vợ chồng ông Nguyễn Quốc T1 không có tiền trả nợ, mới nhờ bà chơi dùm 01 chân hụi để hốt trừ số tiền nợ trên. Ngày 20/01/2022 (âm lịch), bà tham gia chơi dùm cho ông Nguyễn Quốc T1 01 chân hụi do ông Lâm Quốc Toản làm chủ hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, dây hụi có 15 chân, mỗi tháng khui một lần và ông Nguyễn Quốc T1 hốt kỳ đầu được số tiền 39.500.000 đồng, đối trừ vào số tiền nợ thì ông Nguyễn Quốc T1 còn nợ bà số tiền 500.000 đồng. Sau đó, ông Nguyễn Quốc T1 tiếp tục vay tiền của bà nhiều lần đến ngày 24/3/2022, hai bên gặp nhau kết toán nợ và ông Nguyễn Quốc T1 còn nợ bà số tiền là 10.000.000 đồng, việc kết toán có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 50.000 đồng/ngày/10 triệu. Sau khi kết toán nợ, ông Nguyễn Quốc T1 có đóng lãi nhưng bà không nhớ đóng bao nhiêu, hiện khoản nợ vay 10.000.000 đồng ông Nguyễn Quốc T1 chưa trả.

Cũng trong thời gian tháng 3 năm 2022, vợ chồng ông Nguyễn Quốc T1 có nhờ bà đứng ra mượn nợ dùm của bà Bích nhiều lần với số tiền 16.000.000 đồng, bà Ngô Ánh H vợ của ông Nguyễn Quốc T1 là người trực tiếp nhận tiền từ bà Bích, hiện bà đã trả xong số tiền nợ của bà Bích nhưng vợ chồng ông Nguyễn Quốc T1 chưa trả lại tiền cho bà. Ngoài ra, vợ chồng ông Nguyễn Quốc T1 còn nợ bà số tiền 1.200.000 đồng *(trong đó, nợ tiền vốn lấy bánh bán là 700.000 đồng và tiền mượn hai lần, lần đầu 500.000 đồng trả được 350.000 đồng thiếu lại 150.000 đồng; lần 2 mượn 500.000 đồng trả được 150.000 đồng còn nợ lại 350.000 đồng)*.

Đối với dây hụi mà bà vô dùm cho ông Nguyễn Quốc T1 thì sau khi hốt hụi, ông Nguyễn Quốc T1 nộp được 06 kỳ hụi *(tính từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 07 năm 2022)* thì ngưng nộp hụi, nhưng trong 06 kỳ nộp hụi, ông Nguyễn Quốc T1 nộp không đủ mà nợ lại bà số tiền là 11.000.000 đồng. Đến tháng 8 năm 2022 *(kỳ thứ 8)*, ông Nguyễn Quốc T1 tiếp tục nộp hụi chết nhưng còn nợ lại số tiền 2.490.000 đồng; tháng 9 năm 2022 *(kỳ thứ 9)*, ông Nguyễn Quốc T1 nộp hụi chết nhưng còn nợ lại số tiền 2.380.000 đồng và không nộp các kỳ hụi còn lại nên bà phải nộp hụi thay cho đến khi mãn hụi. Trong dây hụi này, ông Nguyễn Quốc T1 còn nợ bà 07 kỳ hụi bằng 35.000.000 đồng và số tiền hụi các lần ông Nguyễn Quốc T1 đóng còn thiếu là 15.870.000 đồng, tổng số tiền hụi ông Nguyễn Quốc T1 còn nợ bà với số tiền 50.870.000 đồng.

Việc vay tiền, nợ tiền hụi và tiền bánh thì bà Ngô Ánh H là vợ của ông Nguyễn Quốc T1 biết và có những lần vay bà Ngô Ánh H trực tiếp nhận tiền nên đây là nợ chung của vợ chồng, bà yêu cầu ông Nguyễn Quốc T1 và bà Ngô Ánh H trả bà tổng số tiền là 78.070.000 đồng bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T1 trình bày: Khoảng tháng 4/2020 âm lịch đến ngày 25/12/2021 âm lịch, ông có vay tiền của bà Lê Hoàng N nhiều lần với tổng số tiền là 31.000.000 đồng, không có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 10%/ngày và trong

khoảng thời gian này đóng lãi đầy đủ cho bà Lê Hoàng N. Đến tháng 01/2022 (âm lịch), bà Lê Hoàng N yêu cầu ông trả nợ vốn và lãi là 45.000.000 đồng, khoản nợ này có làm biên nhận do bà Lê Hoàng N giữ. Do ông không có khả năng trả, nên nhờ bà Lê Hoàng N đứng tên chơi dùm cho ông 01 chân hụi 5.000.000 đồng như bà Lê Hoàng N đã khai. Sau khi vô hụi, ông hốt đầu được số tiền 40.000.000 đồng nên ngày 21/01/2022, bà Lê Hoàng N cấn trừ qua số tiền nợ 45.000.000 đồng, ông chỉ còn nợ bà Lê Hoàng N 5.000.000 đồng. Ông tiếp tục mượn tiền bà Lê Hoàng N nhiều lần nên hai bên có kết toán nợ, ông nợ bà Lê Hoàng N số tiền là 10.000.000 đồng. Đối với số tiền hụi chết, từ sau khi hốt hụi ông đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà Lê Hoàng N từ ngày 21/01/2022 cho đến tháng 9/2022, việc bà Lê Hoàng N nói trong các kỳ hụi ông còn nợ lại là không đúng. Hiện dây hụi này, ông chỉ nợ bà N 06 kỳ hụi chết với số tiền 30.000.000 đồng. Bên cạnh đó, ông có vay của bà Lê Hoàng N số tiền 16.000.000 đồng vào ngày 20/3/2022 âm lịch. Ngoài ra, bà Ngô Ánh H có thiếu tiền lấy bánh của bà Lê Hoàng N để bán với số tiền 700.000 đồng chứ không phải 1.200.000 đồng như bà Lê Hoàng N trình bày, còn số tiền 500.000 đồng ông mượn của bà Lê Hoàng N để sửa xe thì ông đã trả xong. Tổng số tiền các khoản ông còn nợ bà N là 56.000.0000 đồng và đây là tiền ông nợ và làm ăn riêng giữa ông với bà Lê Hoàng N không liên quan đến bà Ngô Ánh H nên bà H không có trách nhiệm trả số nợ trên.

Bị đơn bà Ngô Ánh H trình bày: Việc ông Nguyễn Quốc T1 mượn tiền và có tham gia chơi hụi hay không thì bà hoàn toàn không biết và bà cũng không tham gia bất cứ giao dịch gì với bà Lê Hoàng N. Trong thời gian qua gia đình không có nhu cầu sử dụng số tiền lớn, chỉ buôn bán nhỏ để sinh sống nên số tiền bà Lê Hoàng N cho rằng ông Nguyễn Quốc T1 nợ là số tiền lớn đối với gia đình và bà không biết ông Nguyễn Quốc T1 sử dụng số tiền đó vào mục đích gì. Vì vậy, bà không có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền theo yêu cầu của bà Lê Hoàng N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng ông Nguyễn Quốc T1 chỉ nợ bà Lê Hoàng N 10.000.000 đồng tiền vay và 16.000.000 đồng tiền nhờ bà Lê Hoàng N vay dùm, tổng các khoản còn nợ là 26.000.000 đồng, còn các khoản tiền khác không nợ bà Lê Hoàng N nên không đồng ý trả và cũng không đặt ra yêu cầu điều chính lãi suất đối với các khoản nợ vay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2023/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Hoàng N. Buộc bà Ngô Ánh H và ông Nguyễn Quốc T1 cùng có trách nhiệm trả cho bà Lê Hoàng N tổng các khoản với số tiền là 78.070.000 đồng *(bảy mươi tám triệu không trăm bảy chục nghìn đồng)*, không đặt ra yêu cầu tiếp tục tính lãi.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 19/4/2023, nguyên đơn bà Lê Hoàng N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án dân sự sang xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi vu không, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 24/4/2023, bị đơn ông Nguyễn Quốc T1, bà Ngô Ánh H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Hoàng N, ông Nguyễn Quốc T1, bà Ngô Ánh H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2023/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Kháng cáo của bà Lê Hoàng N; ông Nguyễn Quốc T1; bà Ngô Ánh H thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Bà Lê Hoàng N tranh chấp với ông Nguyễn Quốc T1, bà Ngô Ánh H về tiền vay, mượn và tiền hụi, nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hụi và áp dụng các qui định của Bộ luật dân sự để giải quyết là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Hoàng N về việc yêu cầu hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án sang hình sự, thấy rằng: Bản án số 73/2023/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi đã được Tòa án xét xử theo qui định Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, trong phạm vi xét xử vụ án này chỉ xem xét về việc tranh chấp nợ vay và hụi theo yêu cầu của bà Lê Hoàng N.

Đối với yêu cầu của bà Lê Hoàng N cho rằng ông Nguyễn Quốc T1, bà Ngô Ánh H lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vu khống bà làm giấy nợ giả chữ ký, đây là mối quan hệ khác bà có quyền làm đơn yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền xem xét theo luật định. Do đó, kháng cáo của bà Lê Hoàng N không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T1 và bà Ngô Ánh H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án thì tại phiên hòa giải ngày 30/12/2022 và phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Quốc T1 thừa nhận trong các khoản nợ vay, nợ hụi ông Nguyễn Quốc T1 nợ bà Lê Hoàng N tổng cộng là 56.700.000 đồng, ông chỉ không thừa nhận khoản nợ hụi đã nộp còn nợ lại 20.870.000 đồng và số tiền mượn 500.000 đồng mà ông cho rằng đã trả xong. Nhưng ông Nguyễn Quốc T1 không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

Việc ông Nguyễn Quốc T1 có vay tiền và nhờ nguyên đơn tham gia chơi hụi, hiện còn nợ nguyên đơn là sự thật. Mặc dù, giữa các đương sự trình bày không thống nhất với nhau về số tiền nợ còn thiếu nhưng nguyên đơn cung cấp việc vay tiền và nợ hụi được thể hiện tại biên nhận đề ngày 24/3/2022, biên nhận đề tháng 3/2022 cùng biên nhận ngày 19/10/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bị đơn không cung cấp được các chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày

của mình về việc không nợ số tiền hụi 20.870.000 đồng *(nợ 15.870.000 đồng qua các lần nộp hụi; 5.000.000 đồng của 01 kỳ hụi)* và 500.000 đồng tiền mượn để sửa xe, nên không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn.

Về trách nhiệm thanh toán nợ, xét thấy tại thời điểm vay và nợ hụi giữa ông Nguyễn Quốc T1 với bà Ngô Ánh H vẫn còn tồn tại mối quan hệ vợ chồng. Hơn nữa, ông Nguyễn Quốc T1 không cung cấp được giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có thỏa thuận kinh doanh và tự chịu trách nhiệm riêng đối với các khoản nợ phát sinh từ giao dịch kinh doanh riêng nên các khoản nợ trên được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra, các khoản nợ trên không có căn cứ để chứng minh cho việc ông Nguyễn Quốc T1 sử dụng vào mục đích riêng. Từ đó, cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Quốc T1, bà Ngô Ánh H cùng có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp và cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[5] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hoàng N; ông Nguyễn Quốc T1 và bà Ngô Ánh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Lê Hoàng N; ông Nguyễn Quốc T1 và bà Ngô Ánh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hoàng N, ông Nguyễn Quốc T1 và bà Ngô Ánh H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2023/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hoàng N. Buộc Nguyễn Quốc T1 và bà Ngô Ánh H cùng có trách nhiệm trả cho bà Lê Hoàng N tổng các khoản nợ với số tiền là 78.070.000 đồng (Bảy mươi tám triệu không trăm bảy chục nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lê Hoàng N không phải chịu. Ngày 08/12/2022, bà Lê Hoàng N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.952.000 đồng

(một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002581 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được trả lại cho bà Lê Hoàng N. Bà Ngô Ánh H và ông Nguyễn Quốc T1 phải chịu số tiền 3.903.500 đồng (chưa nộp).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Hoàng N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 20/4/2023, bà Lê Hoàng N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003231 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu. Bà Ngô Ánh H, ông Nguyễn Quốc T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/4/2023, bà Ngô Ánh H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003280 và ông Nguyễn Quốc T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003281 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Phương